

Số: 17/QĐ-THHL

Him Lam, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách đợt 2 năm học 2023 – 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HIM LAM

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học được quy định tại Điều 11 Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 5/2024 (Năm học 2023-2024);

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường Tiểu học Him Lam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục từ tháng 01 đến tháng 05/2024 (Năm học 2023-2024).

Thời gian công khai: Từ ngày 28/3/2024 đến ngày 28/4/2024.

Hình thức công khai: Bảng tin trường, Website trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí.

Điều 3. Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, trưởng các đoàn thể, Bộ phận kế toán, Tổ công khai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN TP ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG: TIỂU HỌC HİM LAM

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Kỳ II Năm học 2023 - 2024 (Tháng 1+2+3+4+5/2024)

THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

ST T	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Mô côi	Tàn tật, khuyết tật	Hệ nghèo	Thôn, bản ĐBK K	Số tháng được hưởng	Định mức (150.000 đ)	Thành tiền	Số tài khoản PH	Ngân hàng	Tên chủ TK	Quan hệ với HS
1	Lù Phạm Ngọc	1A1				1	5	150.000	750.000	8902205039657	Agribank	Nguyễn Thị Nụ	Bà
2	Phạm Quang Bách	1A2				1	5	150.000	750.000	36010000570385	BIDV	Bùi thị Nhân	Mẹ đẻ
3	Đặng Minh Lâm	1A2				1	5	150.000	750.000	3600746812	BIDV	Trần Thị Thu Yên	Mẹ đẻ
4	Lương Ngọc Diễm	1A3		1			5	150.000	750.000	866773465		Lương Văn Hương	Bố đẻ
5	Mai Quỳnh Chi	1A3				1	5	150.000	750.000	3600942045	BIDV	Đậu Thị Bắc	Mẹ đẻ
6	Khoàng Bảo Ngọc	1A3				1	5	150.000	750.000	8912215008256	Agribank	Tạ thị Hải Hương	Mẹ đẻ
7	Lâu Thị Quỳnh	1A3				1	5	150.000	750.000	3600612977	BIDV	Vàng Thị Mỹ	Mẹ đẻ
8	Lò Bảo Châu	1A3				1	5	150.000	750.000	107868653961		Lò Văn Dũng	Bố đẻ
9	Lò Thùy Vy	1A4		1			5	150.000	750.000	974650558		Vừ Thị Thu	Mẹ đẻ
10	Sùng Bảo Ngọc	1A4				1	5	150.000	750.000	36010000631680	BIDV	Thào Thị Sây	Mẹ đẻ
11	Lò Công Minh	1A4				1	5	150.000	750.000	8912205021546	Agribank	Lương Thủy Nga	Mẹ đẻ
12	Lâu Anh Linh	1A4				1	5	150.000	750.000	100875090244		Sùng Thị Xía	Mẹ đẻ
13	Phan Anh Đức	1A5				1	5	150.000	750.000	8900205122157	Agribank	Trần Thị Khuyên	Mẹ đẻ
14	Hạng Minh Sơn	1A6				1	5	150.000	750.000	36010000727419	BIDV	Sùng Thị Sài	Mẹ đẻ
15	Lò Bảo Duy	1A6				1	5	150.000	750.000	3600198370	BIDV	Lò Thị Quỳnh	Mẹ đẻ
16	Sùng Trí Hùng	1A6				1	5	150.000	750.000	3600687674	BIDV	Mùa Thị May	Mẹ đẻ
17	Trần Minh Khang	1A6				1	5	150.000	750.000	105875090236	VietinBank	Nguyễn Thị Hoài Thương	Mẹ đẻ
18	Chang Minh Khôi	1A6				1	5	150.000	750.000	9704229288069060	MB	Bùi Thị Thuýn	Mẹ đẻ
19	Lò Tiến Đạt	2A1				1	5	150.000	750.000	3600633507	BIDV	Lò Thị Oanh	Mẹ đẻ
20	Sùng Kim Dung	2A2				1	5	150.000	750.000	3600562841	BIDV	Mùa Thị Mí	Mẹ đẻ
21	Lò Hoàng Trung	2A2				1	5	150.000	750.000	3600335867	BIDV	Lò Văn Trường	Bố đẻ
22	Vừ Xuân Mạnh	2A2				1	5	150.000	750.000	334886456		Vừ A Tháo	Bố đẻ

23	Chang Nhật Minh	2A3				1	5	150.000	750.000	9704229288069060	MB	Bùi Thị Thuyền	Mẹ đẻ
24	Hồ Toàn Quốc	3A1				1	5	150.000	750.000	8900205194930	Agribank	Sùng Thị Đơ	Mẹ đẻ
25	Giàng Anh Nam	3A1				1	5	150.000	750.000	3600533962	BIDV	Thào Thị Di	Mẹ đẻ
26	Nguyễn Anh Thư	3A2				1	5	150.000	750.000	101001253426		Nguyễn Thị Hồng	Mẹ đẻ
27	Phan Minh Ngọc	3A4				1	5	150.000	750.000	8906205009312	Agribank	Nguyễn Thị Bích	Mẹ đẻ
28	Vừ Thu Hà	3A4				1	5	150.000	750.000	3600361181	BIDV	Sùng Thị Tinh	Mẹ đẻ
29	Lã Phương Chi	3A4				1	5	150.000	750.000	3603331986	BIDV	Lò Thị Thu Hà	Mẹ đẻ
30	Sùng Thị Kim Ngân	3A4				1	5	150.000	750.000	8900215105480	Agribank	Sùng A Hu	Bố đẻ
31	Phạm Đức Huy	3A4				1	5	150.000	750.000	8912205086780	Agribank	Trần Thị Thái	Bà nội
32	Vừ Thị Ngọc Hoa	3A5				1	5	150.000	750.000	3600111243	BIDV	Vừ A Trai	Bố đẻ
33	Giàng Thảo Linh	3A5				1	5	150.000	750.000	8900215068767	Agribank	Giàng A Lầu	Bố đẻ
34	Lâu Anh Si	3A5				1	5	150.000	750.000	100875090244		Sùng Thị Xía	Mẹ đẻ
35	Giàng Thị Hoa	3A5				1	5	150.000	750.000	100875100143		Giàng A Chà	Bố đẻ
36	Nguyễn Phương	3A6				1	5	150.000	750.000	3600015336	BIDV	Đào Hoa	Mẹ đẻ
37	Giàng Bảo Châu	4A1				1	5	150.000	750.000	104871023748		Vừ Thị Tòng	Mẹ đẻ
38	Giàng Mai Ngân	4A3				1	5	150.000	750.000	9704229202239760000	MB	Mai Thị Hoa	Mẹ đẻ
39	Mùa A Khánh	4A3				1	5	150.000	750.000	8912205133239	Agribank	Giàng Thị Chu	Mẹ đẻ
40	Sùng Tiến Đông	4A3				1	5	150.000	750.000	107875195290		Hạng Thị Vàng	Mẹ đẻ
41	Quảng Ngọc Bích	4A3	1				5	150.000	750.000	105878401278		Lường Thị Xương	Mẹ đẻ
42	Sùng Đức Tài	4A4				1	5	150.000	750.000	108005378407		Sùng Ngọc Dũng	Bố đẻ
43	Sùng Thị Thùy Linh	4A4				1	5	150.000	750.000	3600687674	BIDV	Mùa Thị May	Mẹ đẻ
44	Nguyễn Quốc Huy	4A4				1	5	150.000	750.000	108001625985		Nguyễn Thu Dung	Mẹ đẻ
45	Sùng Thị Tuyết	4A4				1	5	150.000	750.000	104875090237		Thào Thị Dừa	Mẹ đẻ
46	Vàng Thị Hương	4A4				1	5	150.000	750.000	104875100136		Vàng Tiến Công	Bố đẻ
47	Lò Thúy An	4A4		1			5	150.000	750.000	0974650558		Vũ Thị Thu	Mẹ đẻ
48	Phan Tuấn Thành	4A6				1	5	150.000	750.000	3600705752	BIDV	Hoàng Thị Thanh	Mẹ đẻ
49	Đặng Đức Tuệ	5A1				1	5	150.000	750.000	3600455297	BIDV	Quảng Thị Hà	Mẹ đẻ
50	Đặng Trần Khôi Nguyên	5A2				1	5	150.000	750.000	3600746812	BIDV	Trần Thị Thu Yên	Mẹ đẻ
51	Hồ Trung Thành	5A2				1	5	150.000	750.000	8900205194930	Agribank	Sung Thi Do	Mẹ đẻ
52	Phan Tuấn Quân	5A2				1	5	150.000	750.000	8900205122157	Agribank	Trần Thị Khuyên	Mẹ đẻ
53	Nguyễn Tiến Nam	5A3				1	5	150.000	750.000	101001253426		Nguyễn Thị Hồng	Mẹ đẻ
54	Mùa A Phong	5A4				1	5	150.000	750.000	102875091007		Pờ A Khóa	Bố đẻ

55	Lã Tuấn Hưng	SA5				1	5	150.000	750.000	3603331986	BIDV	Lò Thu Hà	Mẹ đẻ
56	Bùi Thanh Tùng	SA5				1	5	150.000	750.000	3600950385	BIDV	Lò Thị Vân	Mẹ đẻ
57	Lường Khánh Chi	SA6				1	5	150.000	750.000	3600456193	BIDV	Lò Thị Thủy	Mẹ đẻ
58	Hạng Vân Nhi	SA6				1	5	150.000	750.000	36010000727419	BIDV	Sùng Thị Sài	Mẹ đẻ
Cộng			0	2	2	54			43.500.000				

Tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn/.

KÊ TOÁN



Nguyễn Thị Lanh

THỦ QUỸ



Khúc Thị Dung

Điện Biên Phủ, ngày 19 tháng 5 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HIM LAM



Đinh Thị Thanh Nhân

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm về thông tin Số tài khoản của phụ huynh đã cung cấp cho nhà trường
Nếu sai thông tin tài khoản của phụ huynh giáo viên hoàn toàn chịu trách nhiệm

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI

Theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017

Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2023 Năm học 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Lớp	Số tháng	Mức lương cơ sở	Định mức hưởng 40% Mức lương cơ sở	Thành tiền	Số tài khoản phụ huynh	Ngân hàng	Tên chủ TK	Quan hệ với hs
A	B	1	2	3	4	5 = 2*4	6	7	8	9
1	Chào Ánh Dương	2A1	7	1.800.000	720.000	5.040.000	36210000285072	BIDV	Hà Thị Châm	Mẹ đẻ
	Tổng cộng					5.040.000				

Tiền bằng chữ: (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn, đồng chẵn).

Kế toán

Nguyễn Thị Lan

Thủ quỹ

Khúc Thị Dung

Hiệu trưởng



Đinh Thị Thanh Nhân

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm